



TIẾNG VIỆT 1 - CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)

Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên)

Phạm Thị Kim Oanh, Nguyễn Lương Hải Như, Nguyễn Xuân Tùng, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Phạm Vĩnh Lộc, Nguyễn Thị Xuân Yến

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT



1.1. Quan điểm biên soạn

Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp là hai quan điểm biên soạn được nhóm tác giả tuân thủ trong việc biên soạn sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt cấp Tiểu học nói chung và lớp 1 nói riêng. Nhóm tác giả quan niệm SGK *Tiếng Việt* cần đảm bảo: (1) sự phù hợp giữa chương trình, SGK với cách thức học, khả năng tham gia hoạt động học tập của mỗi học sinh (HS); (2) việc tạo “môi trường ngôn ngữ” tốt nhất giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

1.2. Những điểm mới

1.2.1. Tiếng Việt 1 tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn; tạo điều kiện để GV sử dụng phương pháp dạy học đa giác quan – phương pháp dạy học giúp HS tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng bằng nhiều kênh khác nhau, như thị giác, thính giác, xúc giác.

1.2.2. Tiếng Việt 1 liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ đề của bài học. Chủ đề chi phối các thể loại bài đọc cũng như định hướng và chi phối các hoạt động rèn luyện và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin; tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe với dạy các môn học khác trong chương trình, như *Đạo đức, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm, Tự nhiên và Xã hội*,...

1.2.3. Tiếng Việt 1 thiết kế các bài học theo dạng hoạt động. Theo đó, các bài học đều bắt đầu bằng hoạt động nói và nghe giúp HS khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để rút ra những nội dung liên quan đến bài học, đồng thời cảm nhận được ý nghĩa của việc đọc, viết; từ đó tự giác tham gia vào hoạt động đọc viết và vận dụng các điều đã học ở bài học để nói, nghe, viết (sáng tạo). Ngoài ra, *Tiếng Việt 1* cũng thể hiện hoạt động đọc mở rộng theo tiến trình hợp lí nhằm giúp GV có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS đọc mở rộng hiệu quả.

1.2.4. Tiếng Việt 1 xây dựng các chủ đề với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo nguyên tắc đồng tâm. Chẳng hạn các chủ đề ở học kì I: 1. *Những bài học đầu tiên*, 2. *Bé và bà*, 3. *Đi chợ*, 4. *Kì nghỉ*, 5. *Ở nhà*, 6. *Đi sở thú*, 7. *Thể thao*, 8. *Đồ chơi – trò chơi*, 9. *Vui học*, 10. *Ngày chủ nhật*, 11. *Bạn bè*, 12. *Trung thu*, 13. *Thăm quê*, 14. *Lớp em*, 15. *Sinh nhật*, 16. *Ước mơ*, 17. *Vườn ươm*, 18. *Những điều em đã học*. Sang học kì II, những nội dung về bản thân HS, gia đình, quê hương, đất nước, thiên nhiên được tiếp tục mở rộng. Chẳng hạn *Những bông hoa nhỏ, Những người bạn đầu tiên, Mẹ và cô, Biển đảo yêu thương, Làng quê yên bình, Phở xá nhộn nhịp, Chúng mình thật đặc biệt*,... Mặt khác, qua các bài học, các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán phần nhiều được bố trí sắp xếp gần hoặc trùng với các dịp lễ tết, với các hoạt động văn hoá, giáo dục, v.v..

1.2.5. Tiếng Việt 1 chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. *Tiếng Việt 1 SHS* được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mĩ cao, gây hứng thú với HS.

Kèm SHS là SGK gồm giới thiệu chung về bộ sách, hướng dẫn dạy học các kiểu bài và các thiết kế (giáo án) hướng dẫn dạy học các bài cụ thể mà SHS đã hiện thực hoá, cụ thể hoá Chương trình. Đồng thời, *Tiếng Việt 1* còn gồm vở tập viết (VTV), vở bài tập (VBT) và *Sách đọc mở rộng* (theo Chương trình GDPT mới) để giúp HS rèn luyện, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

Theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn, *Tiếng Việt 1* biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 420 tiết; chia thành 2 tập:

– Tập một dành cho học kì I: 18 tuần, mỗi tuần 12 tiết, gồm 6 tuần học âm chữ (tuần 1 – 6), 13 tuần học văn (tuần 7 – 17), 1 tuần ôn tập, kiểm tra cuối học kì I (tuần 18).

– Tập 2 dành cho học kì II: 17 tuần, mỗi tuần 12 tiết; gồm 2 tuần học văn (tuần 19 & tuần 20), 14 tuần “Luyện tập tổng hợp” và 1 tuần ôn tập, kiểm tra cuối học kì II (tuần 35).

2.1. Cấu trúc sách Tiếng Việt 1, tập một

2.1.1. Cấu trúc chung của sách học sinh tập một

Tiếng Việt 1, tập một có 17 chủ đề tương ứng với 17 tuần, tuần 18 dành cho ôn tập và kiểm tra cuối học kì I. Mỗi chủ đề có 5 bài; trong đó 4 bài học âm vần mới và 1 bài ôn tập – kể chuyện.

2.1.2. Cấu trúc chủ đề, bài học

2.1.2.1. Chủ đề và tên gọi chủ đề

Các chủ đề được sắp xếp theo đơn vị tuần và xuyên suốt trong tất cả các tuần học.

Mỗi chủ đề đều gồm 5 bài học, trong đó có 4 bài học âm vần mới và 1 bài *Ôn tập - Kể chuyện*. Mở đầu mỗi tuần, HS được trao đổi, nói và nghe xung quanh tên gọi chủ đề để rèn kĩ năng tư duy, kĩ năng phỏng đoán đồng thời góp phần vào việc phát triển lời nói cho HS. Bài *Ôn tập – kể chuyện* cuối tuần giúp cho HS củng cố các kiến thức, kĩ năng được học trong tuần và rèn luyện thêm về đọc, viết, nói và nghe. Tiết kể chuyện ở bài 5, bài cuối tuần tập trung rèn luyện kĩ năng nghe và kể chuyện, kĩ năng quan sát, phỏng đoán về nội dung câu chuyện qua việc đọc tên truyện và xem tranh. Bên cạnh các bài nghe – kể thường thấy, còn có kiểu bài xem – kể (kiểu bài học sinh quan sát tranh, trả lời câu hỏi, kể từng đoạn theo tranh).

2.1.2.2. Các bài học âm vần mới

Các bài học âm vần mới gồm 4 bài liên tiếp được xếp theo từng nhóm âm vần. Mỗi bài học âm vần mới được học trong 2 tiết.

a. *Tranh khởi động*. Tranh khởi động được đặt ở vị trí đầu tiên của mỗi bài. Tranh khởi động có nội dung phù hợp với chủ đề. Trong tranh có hình ảnh các sự vật, hiện tượng mà tên gọi của chúng là từ ngữ có tiếng chứa âm vần mới được học trong bài. Tranh khởi động giúp GV tổ chức cho HS nói về bài học, kích thích hứng thú của HS trong việc tiếp thu bài học về âm vần mới trong sự kết nối với bài học trước.

b. *Các âm vần được học và mô hình đánh vần tiếng*. Ngay dưới tranh khởi động là danh sách các âm vần được học trong bài và mô hình đánh vần tiếng.

c. *Các từ ngữ chứa tiếng khoá kèm hình ảnh minh hoạ* dùng cho HS đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá.

d. *Mẫu chữ các âm, vần và chữ có âm vần mới* dùng cho tập viết.

e. *Các từ ngữ ứng dụng* (mở rộng) kèm theo hình ảnh minh hoạ dùng cho HS luyện đọc âm vần mới và mở rộng vốn từ cho HS.

g. *Câu, đoạn, bài đọc ứng dụng* dùng cho HS luyện đọc câu, đoạn, bài ứng dụng, củng

cố âm vẫn được học.

h. *Hoạt động mở rộng*
mang tính tích hợp nhằm giúp HS vận dụng những nội dung/kĩ năng vừa học trong bài với thực tế cuộc sống, với các kĩ năng và kiến thức của các môn học khác (mĩ thuật, âm nhạc...), mở rộng hiểu biết về văn hoá, xã hội, khoa học. Qua hoạt động mở rộng, HS được củng cố mở rộng về âm vần vừa được học một cách hiệu quả. VD: Bài *et êt it*, tuần 11, chủ đề *Ngày chủ nhật*.



2.1.2.3. Bài 5: Ôn tập và Kể chuyện

a. *Ôn tập*. Bài ôn tập được học trong 2 tiết, có nội dung ôn tập lại các âm vần được học trong tuần, bao gồm:

- a.1 Bảng ôn âm chữ (cho 6 tuần học âm chữ), danh sách các vần được học trong tuần.
- a.2. Bài đọc ứng dụng và câu hỏi đọc hiểu.

Các bài đọc ứng dụng đều có các từ ngữ có tiếng chứa âm vần được học trong tuần. Để giúp HS dễ nhớ vần được học, các bài ôn vần từ tuần 8 đến hết tuần 20 đều được thể hiện dưới dạng thơ hoặc văn vần.

Từ tuần 13, chủ đề *Thăm quê*, dưới bài đọc ứng dụng có câu hỏi về nội dung bài và hoặc hỏi về chi tiết nào đó trong bài nhằm hình thành và phát triển kĩ năng đọc hiểu cho HS.

- a.3. Cụm từ dùng cho tập viết.

❖ Ở bài ôn tập từ tuần 7, tức từ phần vần trở đi đều có nội dung luyện tập chính tả do GV tự thiết kế. Nội dung này được chứa sẵn trong VBT để GV chủ động, dựa trên thực tế HS của lớp mình giảng dạy để thiết kế bài tập rèn chính tả có quy tắc hoặc chính tả phương ngữ.

b. *Kể chuyện.* Bài *Kể chuyện* dạy trong 1 tiết. Nội dung truyện liên quan với chủ đề được học. Bài kể chuyện gồm: (1). *Tên truyện*: tên truyện thường có một, hai âm vần được học trong tuần, không chứa âm vần chưa học. (2) *Tranh minh họa từng đoạn truyện kèm câu gợi ý hoặc câu hỏi hoặc cụm từ gợi ý.* Theo tiến trình học tập của HS, phần gợi ý dưới từng tranh minh họa được lũy tiến theo thứ tự: câu gợi ý (tuần 1 – 11) → câu hỏi (tuần 12 – 17). Kiểu bài Kể chuyện ở *Tiếng Việt 1*, tập một (t.1), chủ yếu là kiểu bài nghe kể; có một số bài được thiết kế dạng xem - kể dưới dạng yêu cầu *xem tranh, trả lời câu hỏi*, VD chủ đề 12, *Trung thu*, truyện *Sự tích chú Cuội cung trăng*; chủ đề 13 *Thăm quê*, truyện *Lần đầu đi qua cầu khỉ*; chủ đề 14 *Lớp em*, truyện *Bạn cùng lớp*; chủ đề 15 *Sinh nhật*, truyện *Sinh nhật đáng nhớ của mèo con*.



2.2. Cấu trúc sách Tiếng Việt 1, tập hai

Sách *Tiếng Việt 1*, tập 2, ngoài 2 tuần đầu học kì tiếp tục dạy học vần, từ tuần 21 đến tuần 35, HS được “Luyện tập tổng hợp”, học các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản thuộc các kiểu loại khác nhau. Phần “Luyện tập tổng hợp” có 14 chủ đề tương ứng với 14 tuần.

2.2.2. Cấu trúc của mỗi chủ đề, bài học

2.2.2.1. Chủ đề và tên gọi chủ đề

Các chủ đề được sắp xếp theo đơn vị tuần và xuyên suốt trong tất cả các tuần. Các nội dung dạy học trong suốt cả tuần đọc, viết, nói, nghe và kể chuyện sẽ được kết nối xung quanh chủ đề của tuần. Mỗi chủ đề 12 tiết, gồm có 10 tiết dạy học đọc, viết, nói và nghe xoay quanh các văn bản, 1 tiết kể chuyện và 1 tiết thực hành luyện tập các kĩ năng. Các chủ đề này đều lấy HS làm trung tâm (*Những bông hoa nhỏ*), từ đó để giáo dục về gia đình, trường học, quê hương đất nước, thiên nhiên, môi trường sống. Tuần ôn tập và kiểm tra học

kì II – tuần 35 – gồm các bài ôn tập và đề kiểm tra cuối năm (dùng tham khảo).

Mỗi chủ đề đều gồm 4 bài học, trong đó có 3 bài tập đọc kết hợp rèn luyện các kĩ năng tập viết, chính tả, luyện tập sử dụng từ và 1 bài kể chuyện. Văn bản dùng cho tập đọc gồm hai văn bản văn xuôi (một văn bản truyện hoặc văn bản miêu tả văn chương và một văn bản thông tin hoặc văn bản giới thiệu) và một văn bản thơ (văn bản dùng cho kể chuyện in ở SGV).

a. Văn bản dùng cho luyện đọc

Các văn bản dùng cho hoạt động đọc (tập đọc) đều gồm đọc lưu loát và đọc hiểu trong thời lượng hai tiết, với cấu trúc như sau: (1) *Tranh khởi động và hoặc câu hỏi/ câu lệnh dùng cho hoạt động khởi động.* (2) *Văn bản đọc và tranh minh họa bài đọc.* (3) *Yêu cầu nhận biết một số vần có trong hoặc ngoài văn bản vừa đọc để ôn luyện củng cố kiến thức về vần và phát triển vốn từ, phát triển lời nói* (4) *Các câu hỏi đọc hiểu.*

❖ Với văn bản đọc thuộc thể loại thơ, ngoài 4 mục như vừa nêu còn có hai nội dung (hai mục) sau: (5) *Yêu cầu liên hệ thực tiễn;* (6) *Hoạt động mở rộng.*

Bài 2 **Đi học**

1. Các bạn nhỏ trong tranh đang đi đâu?
2. Hằng ngày, em đến trường bằng cách nào?

Đi học
Hôm qua em tới trường
Mẹ dắt tay từng bước
Hôm nay mẹ lên nương
Một mình em tới lớp.
Trường của em bé bé
Nằm lảng giữa rừng cây
Cô giáo em tre trẻ
Dạy em hát rất hay.
Hương rừng thơm đối vắng
Nước suối trong thăm thẳm
Cọ xoè ô che nắng
Râm mát đường em đi.
Minh Chính

101

102

1. Đọc các câu thơ trong bài ứng với nội dung từng bức tranh.
2. Nếu những hình ảnh đẹp em thấy trên đường đến trường.
3. Học thuộc hai khổ thơ cuối.

Hát bài **Đi học** (nhạc: Bùi Đình Thảo, thơ: Minh Chính).
Hôm qua em tới trường...

❖ Với văn bản đọc thuộc thể loại văn xuôi (truyện hoặc văn miêu tả văn học, văn bản thông tin hoặc văn bản giới thiệu), ngoài 4 mục như vừa nêu, còn có các nội dung sau: (5) Luyện viết chữ hoa (tô chữ viết hoa, tập chép câu có chữ viết được tô); (6) Viết chính tả, làm bài tập chính tả để tránh những lỗi chính tả thường gặp do đặc điểm của chữ quốc ngữ hoặc do đặc điểm ngữ âm địa phương; (7) Luyện nói mở rộng theo nội dung của văn bản đã đọc và nội dung của chủ đề, gồm mở rộng vốn từ và phát triển lời nói; (8) Luyện viết 1 – 2 – 3 câu ngắn dựa trên những gì đã nói. (9) Hoạt động mở rộng, vận dụng những gì đã học vào thực tế đời sống với những hình thức thông dụng và được các em ưa thích như chơi trò chơi, hát, vẽ,... về những nội dung có liên quan đến chủ đề của bài học và luyện viết.

Bài 3 **Biển báo**

1. Bạn nhỏ trong tranh đang dừng lại để làm gì?



2. Trước khi đi qua một ngã tư, em phải làm gì?

Biển báo

Khi đi đường, ta thường gặp những tấm biển báo hướng dẫn việc đi lại. Có ba loại biển báo chính:

- Biển báo cấm:** hình tròn, viền đỏ, nền trắng, hình vẽ màu đen, dùng chỉ điều cấm.
- Biển báo nguy hiểm:** hình tam giác, viền đỏ, nền vàng, hình vẽ màu đen, dùng cảnh báo nguy hiểm.
- Biển báo chỉ dẫn:** hình vuông, hình chữ nhật, nền xanh, hình vẽ màu trắng, chỉ dẫn việc đi lại.



Tìm trong bài đọc tiếng có vần **iến**.
 Tìm ngoài bài đọc từ ngữ chứa tiếng có vần **iến**, **uyển**.

M: cổng viện, vồng xuyên

1. Bài đọc nêu mấy loại biển báo chính?

2. Kể tên một, hai biển báo mà em biết.

1. Tập viết

- Tô chữ hoa **Q**.
- Viết ở gôn ngã tư có biển báo giao thông.

2. Nghe – viết

Biển báo giao thông được dùng để hướng dẫn việc đi lại. Có ba loại biển báo chính là biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển báo chỉ dẫn.

3. Thay hình ngôi sao bằng chữ n hoặc chữ ng.



hà * cây ve * đường để * trường bà * xe ô tô

4. Thay hình chiếc lá bằng dấu hỏi hoặc dấu ngã.



trường học trên đảo ngã tư đường phố tới trường mùa lũ

Những người trong bức ảnh đang làm gì?



Viết vào vở nội dung em vừa nói.

Em tập làm chủ công an giao thông.



b. Kể chuyện (tương tự tập 1)